TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y
TỈNH HÒA BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – T3 do – Hạnh phúc

Bản án số: 08/2018/HSST
Ngày 28/3/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hòa Bình

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Hải Dương
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Mạnh Tùng
Bà Nguyễn Thị Hương
- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trung Nghĩa, Thẩm tra viên

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn X Từ - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 03 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩmthụ lý số: 03/2018/TLST-HS ngày 07 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2018/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo:

1/**Nguyễn T1 V**; sinh năm: 1954.

Nơi cư trú: Xóm D, xã N, huyện Y, tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: Nguyên là phó chủ tịch Hội cựu T1 niên xung phong huyện Y; trình độ văn hoá 10/10; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị C; Vợ, là Lê Thị và 04 con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

2/ Người bị hại:
+ Bà Kiều Thị X, sinh năm 1957 - Vắng mặt có lý do.
+ Bà Khuất Thị H, sinh năm 1957 - Có mặt.
+ Bà Khuất Thị H, sinh năm 1974 - Có mặt
Cùng trú tại: xóm Đ, xã N, huyện Y, tỉnh Hòa Bình.
+ Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1957 - Có mặt.
Trú tại: xóm K, xã N, huyện Y, tỉnh Hòa Bình
+ Ông Bùi Tuấn T1, sinh năm 1962 – Vắng mặt.
Trú tại: xóm C, xã N, huyện Y, tỉnh Hòa Bình

3/ Người làm chứng:
+ Anh Nguyễn Tiến D1, sinh năm 1977- Vắng không lý do.
Nơi ĐKNKTT:Yên Lương, xã N, huyện Y, Hòa Bình

+ Anh Trần Văn T2, sinh năm 1983.Vắng không lý do

+ Chị Bùi Thị H, sinh năm 1983.Vắng không lý do

Cùng trú tại: xóm Hổ 2, xã N, huyện Y, tỉnh Hòa Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 12/01/2013 Nguyễn T1 V một mình đi đến nhà chị Khuất Thị H và gặp chị H đang ở nhà, V nhờ chị H gọi thêm chị Kiều Thị X và chị Nguyễn Thị V đến để bàn công việc do cả ba người đều là hội viên Hội cựu T1 niên xung phong xã N. Sau khi chị V và chị X đến, V nói với cả ba người là "cấp trên cho 04 suất làm lương tháng, chúng tôi nH cho các chị em trên Đại Đồng, các cô cố gắng thu xếp chạy tiền để tôi đi lo cho các cô, để các cô được hưởng chế độ lương tháng", nghe V nói vậy thì chị H, X, V hỏi lại V là có chắc chắn không, V nói "chắc chắn, nếu không thì tôi trả lại tiền không thiếu một xu". Tiếp đó V nói mỗi người phải mất 18.000.000.đồng để lo việc nhưng riêng chị H do chạy sang chế độ da cam và gia đình neo đơn thì chế độ sẽ nhiều hơn nên phải mất 33.000.000.đồng. Do có mối quan hệ cùng trong Hội cựu T1 niên xung phong và biết được điều kiện và hoàn cảnh của các hội viên và lợi dụng vị trí công tác của mình nên V đã lấy được lòng tin của mọi người và để chiếm đoạt được số tiền mà V đưa ra, V đã yêu cầu phải đưa càng nhanh càng tốt, nên mọi người cùng đồng ý. Với hành vi thủ đoạn gian dối như trên V tiếp tục đến nhà gặp chị Khuất Thị H nói việc cấp trên cho 04 suất làm chế độ lương tháng cho cựu T1 niên xung phong, hiện đã có chị H, chị X và chị V đăng ký, còn lại 01 suất chị H nên chạy tiền mà lo cho bố (bố chị H là ông Khuất Đình T3, sinh năm 1936 và là hội viên Hội cựu T1 niên xung phong xã N), chị H hỏi cần bao nhiêu tiền thì V nói là 15.000.000 đồng, chị H đồng ý vì chị biết V đang là Chủ tịch của Hội cựu T1 niên xung phong xã N. Sau đó chị H, X, V và chị H đã nhiều lần đưa tiền cho V, cụ thể là: chị H đưa cho V tổng số tiền 33.000.000.đồng chia làm 03 lần đưa, địa điểm giao tiền là tại nhà chị H (ngày 22/01/2013 đưa 15.000.000.đ, ngày 17/3/2013 đưa 8.000.000.đ và ngày 28/8/2013 đưa 10.000.000.đ); chị X đưa cho V một lần đủ 18.000.000.đồng tại nhà của chị H (đưa ngày 27/7/2013); chị V đưa cho V một lần đủ 18.000.000.đồng cũng tại nhà của chị H (đưa ngày 10/7/2013); chị H đưa cho V một lần đủ 15.000.000 đồng tại nhà của chị H (đưa ngày 20/5/2013). Sau khi nhận được tổng số tiền từ chị H, X, V và chị H thì V đã sử dụng vào các mục đích cá nhân hết.

Vào khoảng tháng 3/2014 V đến nhà anh Bùi Tuấn T1 để thu tiền quỹ Hội cựu T1 niên xung phong do mẹ của anh T1 là hội viên, khi thấy anh T1 đang xây nhà thì V nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền và với hành vi thủ đoạn tương T3 V nói

với anh T1 là đang có chế độ xây nhà tình nghĩa cho cựu T1 niên xung phong và có thể chạy chế độ này cho mẹ anh T1 là bà Quách Thị M, anh T1 muốn chạy chế độ này thì cần 3.000.000 đồng để đi làm hồ sơ, và bảo với anh T1 tạm dừng việc xây nhà lại, anh T1 biết V là Chủ tịch Hội cựu T1 niên xung phong xã N cũng tin tưởng và khoảng một tuần sau V quay lại hỏi anh T1 thì anh T1 đã đồng ý và đưa cho V 3.000.000 đồng, được khoảng nửa tháng V tiếp tục quay lại nhà anh T1 và nói thủ tục phức tạp cần thêm 2.000.000.đồng để đi làm, anh T1 nhất trí và tiếp tục đưa cho V 2.000.000.đồng. Sau khi nhận được tổng số tiền anh T1 đưa thì V cũng đã sử dụng vào mục đích cá nhân hết.

Tổng số tiền mà Nguyễn T1 V đã chiếm đoạt của chị Khuất Thị H, Khuất Thị H, Nguyễn Thị V, Kiều Thị X và anh Bùi Tuấn T1 là: 89.000.000(Tám mươi chín triệu)đồng.

Tại bản cáo trạng trạng số 03/CT-VKS ngày 05/02/2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện Y đã truy tố Nguyễn T1 V về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm d,e, khoản 2, điều 139 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn T1 V đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội là mặc dù bị cáo không có thẩm quyền xem xét lập hồ sơ hưởng chế độ T1 niên xung phong, tuy nhiên lợi dụng việc làm chủ tịch hội cựu T1 niên xung phong xã N, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối lợi dụng lòng tin của người bị hại để chiếm đoạt số tiền 89.000.000đ. Do đó Viện kiểm sát nhân dân huyện Y giữ nguyên quyết định truy tố Nguyễn T1 V về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Quá trình điều tra bị cáo Nguyễn T1 V đã tích cực khắc phục hậu quả, bồi tH toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho các bị hại, các bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình; bị cáo là người có công với cách mạng, có bố là người có công được nhà nước tặng thưởng Huân chương.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d,e khoản 2 điều 139 Bộ luật hình sự 1999; điểm b,s,x khoản 1, khoản 2 điều 51, điểm g, khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự 2015, xử phạt bị cáo từ 24 tháng tù đến 36 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án, bị cáo được trừ đi thời gian tạm giam, tạm giữ từ ngày 30/10/2017 đến ngày 17/01/2018 là 80 ngày. Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của người bị hại về hành vi của bị cáo: Nhất trí với ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nguyễn T1 V; về bồi tH dân sự bị cáo đã bồi tH xong, nay không có thêm yêu cầu.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, của người bị hại và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]Về hành vi, quyết định tố tụng của của Cơ quan điều tra Công an huyện Y, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình T3, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo người bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[*2] Về nội dung vụ án:* Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận của bị cáo là rõ ràng phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, vật chứng thu được cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Từ tháng 01 năm 2013 đến tháng 03 năm 2014 Nguyễn T1 V là chủ tịch hội cựu T1 niên xung phong xã N đã gặp các hội viên và người thân của hội viên hội cựu T1 niên xung phong xã N là bà Khuất Thị H, Khuất Thị H, Nguyễn Thị V, Kiều Thị X lừa dối rằng "Cấp trên cho 04 suất làm lương tháng, chúng tôi nH cho các chị em trên Đại Đồng, các cô cố gắng thu xếp tiền để tôi đi lo cho các cô, để các cô được hưởng chế độ lương tháng" các người bị hại tin tưởng và đưa cho V tổng số tiền qua các lần là 84.000.000đ (tám mươi tư triệu đồng), đối với anh Bùi Tuấn T1 khi gặp V nói dối về việc có thể chạy chế độ xây nhà tình nghĩa cho mẹ anh T1 là bà Quách Thị M, anh T1 tin tưởng và đồng ý nhờ V giúp và đưa cho V tổng số tiền là 5.000.000đ (năm triệu đồng). Sau khi nhận tiền của các bà Khuất Thị H, Khuất Thị H, Nguyễn Thị V, Kiều Thị X và anh Bùi Tuấn T1 bị cáo đã sử dụng chi tiêu vào mục đích cá nhân hết.

Hành vi của Nguyễn T1 V là nguy hiểm cho xã hội, lợi dụng chức vụ là chủ tịch hội cựu T1 niên xung phong xã N bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối để các bị hại tin rằng thật sự bị cáo có thể chạy chế độ cho các hội viên, sau đó đã chiếm đoạt tổng số tiền 89.000.000đ (tám mươi chín triệu đồng) lấy tiền chi tiêu cá nhân nên bị cáo đã phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi của bị cáo thực hiện đã xâm phạm đến tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ; đồng thời gây mất trật T3 trị an, an toàn xã hội, do vậy cần áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc

tương xứng với hành vi của bị cáo đã thực hiện mới có tác dụng giáo dăn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Về tình tiết định khung hình phạt: Bị cáo lợi dụng chức vụ của mình để các bị hại tin rằng thật đồng thời chiếm đoạt tài sản có giá trị là 89.000.000đ sau đó chi tiêu cá nhân hết nên đã đủ căn cứ khẳng định bị cáo phạm tội theo các điểm d,e, khoản 2, Điều 139 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội nhiều lần đây là tình tiết tăng nặng theo điểm g, khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự 2015.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn T1 V đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, về hành vi phạm tội, sau khi phạm tội đã bồi tH khắc phục toàn bộ hậu quả sảy ra cho người bị hại, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt, bản thân bị cáo là người có công với cách mạng, tham gia kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, có thành tích xuất sắc trong công tác, bố bị cáo là ông Nguyễn Văn Ngân tham gia kháng chiến được tặng Huân chương kháng chiến hạng 3 đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b,s,x khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015.

[3]Về hình phạt chính: Trên cơ sở đánh giá đầy đủ tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu trên. Thấy cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tù thích hợp mới đảm bảo nhằm trừng trị người phạm tội, giáo dục Nguyễn T1 V trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống xã hội chủ nghĩa, ngăn ngừa họ phạm tội mới và giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm.

[4]Về hình phạt bổ sung: Xét điều kiện bị cáo bệnh tật hiện đang điều trị, hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

*[5]Về trách nhiệm dân sự:*Bị cáo V đã bồi tH thiệt hại cho:

Bà Kiều Thị X đã nhận lại số tiền 18.000.000đ (mười tám triệu đồng), Bà Khuất Thị H đã nhận lại số tiền 33.000.000đ (ba mươi ba triệu đồng) Bà Khuất Thị V đã nhận lại số tiền 18.000.000đ (mười tám triệu đồng), Bà Khuất Thị H đã nhận lại số tiền 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) Anh Bùi Tuấn T1 đã nhận lại số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng).

Nay bà X, bà H, bà H, bà V; anh T1 không yêu cầu

bị cáo phải bồi tH thêm khoản nào khác, vì vậy về trách nhiệm dân sự Tòa không xem xét giải quyết.

[6]Về xử lý vật chứng: Không

[7]Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn T1 V phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng điểm d,e, khoản 2, Điều 139 Bộ luật hình sự 1999; điểm b,s,x khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, khoản 1 điều 52 của Bộ luật Hình sự 2015; xử phạt: Nguyễn T1 V 24 (Hai mươi bốn) tháng tù, được trừ đi 80 ngày tạm giam. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáochấp hành án.

2. Về án phí: Áp dụng điều 135 BLHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban tH vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, buộc bị cáo Nguyễn T1 V phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đối với người bị hại vắng mặt tại phiên tòacó quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Tòa án ND tỉnh HB.
- Sở tư pháp tỉnh HB.
- VKSND Huyện, Tỉnh HB.
- Cơ quan THADS huyện Y.
- Cơ quan THAHS CA huyện Y
- Bị cáo
-Người bị hại.
-Lưu HSVA

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Vũ Hải Dương